

Bản án số: 52/2018/DS-ST
Ngày: 22-11-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng
góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;
2. Ông Nguyễn Khắc Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 1983,

NĐKHKT: Khu phố AA, thị trấn B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; cư trú tại: Số nhà CC, đường Nguyễn Duy Tr, khu phố C, thị trấn B, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Kim C, sinh năm 1966, vắng mặt;

Ông Hoàng Minh X, sinh năm 1964, vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ 3, khu phố BB, thị trấn B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết N trình bày:

Chị Phạm Thị Tuyết N có góp 03 dây hụi do bà Đặng Thị Kim C làm chủ hụi cụ thể như sau:

- Dây thứ 1: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/7/2015 (âm lịch), gồm 24 phần, chị N góp 02 phần, chị đã lĩnh hụi 01 phần, còn 01 phần chị chưa lĩnh hụi. Sau khi lĩnh hụi, chị đã góp cho bà C được bao nhiêu kỳ hụi chết và góp được số tiền bao nhiêu chị không nhớ; còn một phần chưa lĩnh hụi số tiền chị góp cho bà C được bao nhiêu kỳ hụi, số tiền thực góp là bao nhiêu chị không nhớ. Hiện tại, dây hụi này đã ngưng vì bà C tuyên bố bế hụi (ngày ngưng hụi chị không nhớ). Sau đó chị và bà C có tính tiền hụi với nhau, sau khi khấu trừ tiền 01 phần hụi chị đã lĩnh vào số tiền chị đã góp 01 phần hụi mà chị chưa lĩnh thì bà C còn nợ chị 610.000 đồng.

- Dây thứ 2: Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 25/8/2015 (âm lịch), gồm 20 phần, chị N góp 02 phần, cả 02 phần hụi chị chưa lĩnh hụi. Cả 02 phần hụi này, chị góp được bao nhiêu kỳ chị không nhớ, số tiền chị thực góp 02 phần hụi này là 25.940.000 đồng. Hiện dây hụi này đã ngưng, thời gian ngưng hụi ngày nào chị không nhớ.

- Dây thứ 3: Hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 15/11/2015 (âm lịch), gồm 17 phần, chị tham gia góp 02 phần, cả hai phần chị đều chưa lĩnh hụi; chị không nhớ góp được bao nhiêu kỳ hụi, chị chỉ nhớ 02 phần hụi này số tiền chị thực góp là 35.700.000 đồng. Hiện dây hụi này đã ngưng, thời gian ngưng hụi ngày nào chị không nhớ.

Tổng cộng cả ba dây hụi nêu trên bà C còn nợ chị số tiền 62.250.000 đồng. Mặc dù chị không nhớ số tiền cụ thể, nhưng bà C đưa giấy tính tiền hụi cho chị nên chị mới biết số tiền bà C còn nợ chị cụ thể từng dây hụi đối với 03 dây hụi nêu trên.

Ngoài ra chị có mua của bà C 01 phần hụi 1.000.000 đồng khai ngày 10/7/2015, hụi gồm 24 phần, chị mua phần hụi sống giá 14.515.000 đồng, mua vào ngày 10/8/2015 (âm lịch), khi mua bà C có viết giấy cho chị.

Như vậy, tổng cộng 03 dây hụi chị trực tiếp góp hụi với bà C và mua 01 phần hụi nêu trên, bà C còn nợ lại chị số tiền 76.765.000 đồng. Đối với phần hụi chị mua của bà C, bà C có đăng tiền cho chị mấy kỳ nhưng chị không nhớ số tiền cụ thể, do đó nay chị đồng ý căn trừ 6.765.000 đồng vào tổng số tiền bà C nợ chị 76.765.000 đồng. Hiện nay bà C còn nợ chị số tiền 70.000.000 đồng. Bà C mở các dây hụi để hưởng tiền hoa hồng nhằm phát triển kinh tế gia đình, chồng bà C ông X có biết, nay chị khởi kiện yêu cầu bà C, ông X có trách nhiệm hoàn trả cho chị số tiền nợ hụi gốc 70.000.000 đồng chị không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2018 và các lời khai tại Tòa án bị đơn bà Đặng Thị Kim C trình bày:

Bà thừa nhận chị N có góp các dây hụi do bà làm chủ đúng như lời của chị N trình bày. Sau khi bế hụi, bà không có khả năng choàng tiền hụi cho các hụi viên khác nên các dây hụi đều ngưng khai từ ngày 25/8/2016 (âm lịch). Sau đó giữa bà và chị N tính toán các dây hụi thì bà còn nợ chị N số tiền hụi là 70.000.000 đồng.

Bà mở các dây hụi là để chị em góp vốn xoay vòng và bà được hưởng hoa hồng từ các thành viên lĩnh hụi. Số tiền bà được hưởng hoa hồng dùng để có thu nhập trong

gia đình, bà mở hội ông X không biết, do đó đây là nợ riêng của bà với chị N. Nay bà đồng ý chỉ mình bà chịu trách nhiệm hoàn trả cho chị N số tiền nợ hội gốc 70.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2018 bị đơn ông Hoàng Minh X trình bày:

Ông và bà C chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Hiện ông và bà C đang sống chung nhà nhưng chi tiêu, sinh hoạt riêng. Việc góp hội giữa chị N với bà C ông không biết, bà C gây nợ thì bà C tự chịu trách nhiệm trả nợ, ông không đồng ý cùng bà C trả nợ cho chị N.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết N và bị đơn bà Đặng Thị Kim C, ông Hoàng Minh X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Tuyết N và ông Hoàng Minh X, bà Đặng Thị Kim C đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và bà C, ông X.

[2] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch về hợp đồng góp hội giữa chị Phạm Thị Tuyết N và bà Đặng Thị Kim C được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tuyết N yêu cầu bà Đặng Thị Kim C, ông Hoàng Minh X trả số tiền nợ hội 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà C và chị N thống nhất trình bày: Chị N có góp 03 dây hội do bà C làm chủ hội gồm: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/7/2015 (AL), chị N góp 02 phần, trong dây hội này chị N đã lĩnh hội 01 phần, còn 01 phần chị chưa lĩnh hội; hội 2.000.000 đồng,

khui ngày 25/8/2015 (AL), chị N góp 02 phần, cả 02 phần chị N chưa lĩnh hội; hội 3.000.000 đồng, khai ngày 15/11/2015 (AL), chị N góp 02 phần, cả hai phần chị N chưa lĩnh hội. Sau đó do bà C tuyên bố bãi hội nên các dây hội đã ngưng từ ngày 25/8/2016. Sau khi chị N và bà C cân trừ tiền hội với nhau, hiện nay bà C còn nợ chị N tiền hội gốc là 70.000.000 đồng.

Bà C cho rằng số tiền nợ hội giữa bà với chị N là nợ riêng của bà, ông X chồng bà không biết việc chị N góp hội với bà, do đó không liên quan đến ông X, nên bà đồng ý chịu trách nhiệm trả tiền nợ hội 70.000.000 đồng cho chị N. Tuy nhiên, trong quá trình thu thập chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong thời gian chị N tham gia giao dịch góp hội do bà C làm chủ hội, bà C, ông X đang sống chung, cùng sinh hoạt chung và bà C thừa nhận mục đích bà C mở các dây hội làm chủ hội để hưởng tiền hoa hồng nhằm tăng thêm thu nhập, phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó căn cứ Điều 298, Điều 497 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị định số 144/2006-ND-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ cần buộc bà C, ông X có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị N số tiền 70.000.000 đồng.

[4] Ngày 30/10/2018 chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.765.000 đồng. Chị N chỉ yêu cầu bà C, ông X trả số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị N là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của chị N về việc yêu cầu bà C, ông X trả số tiền 6.765.000 đồng.

[5] Về án phí: Bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 70.000.000 đồng mà bà C, ông X phải hoàn trả cho chị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị định số 144/2006-ND-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tuyết N. Buộc bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Phạm Thị Tuyết N 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng tiền hội gốc, ghi nhận chị Phạm Thị Tuyết N không yêu cầu tính tiền lãi.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Phạm Thị Tuyết N về yêu cầu bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền 6.765.000 đồng.

3. Về án phí:

- Bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X phải chịu 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Phạm Thị Tuyết N không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho chị Phạm Thị Tuyết N 1.919.000 (một triệu chín trăm mười chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005605 ngày 30/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Kể từ ngày chị Phạm Thị Tuyết N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bà Đặng Thị Kim C và ông Hoàng Minh X còn phải trả cho chị Phạm Thị Tuyết N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Na